

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 817/2023/HC-PT

Ngày 09/11/2023

“Khiếu kiện Quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực xử
phạt vi phạm hành chính”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Khánh;
Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;
Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Bình, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 09 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 455/2023/TLPT-HC ngày 19 tháng 6 năm 2023 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực xử phạt vi phạm hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12272/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

* **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Thế H, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Dương Ngọc T, sinh năm 1986; địa chỉ: Số B N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hoàng Văn S, luật sư Công ty L2, thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

*** Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang T1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T; vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968; có mặt.

2. Bà Ngô Thị L, sinh năm 1988; có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện ông Nguyễn Thế H trình bày:*

Tôi (H) có nghề nghiệp lái xe mức, có thuê xe máy mức BKS 24XA- 0724 của ông Nguyễn Văn Đ (địa chỉ: xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) để hoạt động.

Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 29/6/2021, anh Dương Văn B có thuê tôi lái máy xúc ra để cuốc đường nội đồng theo chỉ đạo của ông Lưu Hữu T2 - Phó Chủ tịch UBND xã N. Khi tôi đang lái xe tải biển số 20C-159.63 để chở đất đi thì gặp bà Nguyễn Thị L1 trú tại địa chỉ xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Bà L1 nói với tôi tiện máy cuốc cho xin 01 xe đất để đổ vào vườn nhà bà L1. Do cùng là bà con hàng xóm nên tôi có mức 01 xe đất tại thửa số 1079, tờ bản đồ địa chính số 08 thuộc xã Ú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên ra đổ ở chân núi cổng nhà bà L1 (tại địa phận xã N). Khi tôi vừa đổ xe thì bị lực lượng chức năng (Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P) lập biên bản hành chính đối với tôi.

Ngoài ra còn lập biên bản tạm giữ xe máy xúc và xe ô tô tải và yêu cầu tôi ký vào các biên bản. Bản thân tôi có ký vào các biên bản này (tuy nhiên các biên bản này cơ quan chức năng chỉ lập 01 bản và không cho tôi giữ bản nào kể cả bản photo). Trong quá trình làm việc cán bộ công an điều tra hướng dẫn tôi xác nhận những tài sản tạm giữ là của tôi (H) để giải quyết cho nhanh chóng nếu tôi khai tài sản là của người khác thì sẽ phức tạp lâu rút được xe ra. Do tin tưởng sự việc không quá nghiêm trọng nên tôi làm theo hướng dẫn của ông C làm đơn xác nhận số tài sản trên là của tôi để khớp với hồ sơ và nhanh chóng được nhận lại tài sản.

Nhưng thật bất ngờ, ngày 11/08/2021 tôi nhận được Quyết định số 2612 của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 10/8/2021 quyết định xử phạt vi phạm hành

chính đối với ông Nguyễn Thế H do đã thực hiện hành vi hành chính ngày 29/6/2021, ông Nguyễn Thế H đã sử dụng máy xúc (máy đào bánh xích) thực hiện khai thác đất san lấp là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại thửa đất 1079, tờ bản đồ địa chính số 8 thuộc xã Ú, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; tổng khối lượng khoáng sản đất san lấp đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm là 7,93m³.

Quyết định này không đúng với thực tế, trái với quy định của pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền lợi của tôi. Tôi khiếu nại với các căn cứ sau:

1. Trình tự, thủ tục ra quyết định xử lý vi phạm hành chính không đúng pháp luật theo Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính. Do ông C1 cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P chỉ lập 01 biên bản và không giao cho tôi bất kỳ biên bản nào là vi phạm khoản 3, Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Thứ hai nữa, trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của người lập biên bản thì biên bản phải được chuyển ngay đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt. Tuy nhiên, trong trường hợp của tôi thì các cơ quan chức năng huyện P không chuyển ngay cho ông Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định mà giữ lại xác minh cả tháng trời. Điều này cũng vi phạm khoản 3, Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Hết thời hạn xử phạt vi phạm hành chính.

Theo quy định tại Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày. Nếu quá thời hạn trên thì không ra quyết định nữa. Nhưng trường hợp của tôi việc lập biên bản vi phạm từ ngày 29/06 nhưng đến ngày 10/08 mới ban hành quyết định xử phạt. Đặc biệt là cũng không có bất kỳ một văn bản gia hạn nào.

3. Không xác minh đầy đủ chủ tài sản bị tịch thu.

Như trên đã trình bày thực chất chiếc xe máy xúc nhãn hiệu DOOSAN biển số đăng ký BKS 24XA-0724 là xe tôi thuê của ông Nguyễn Văn Đ (địa chỉ: xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) ông Đ có hợp đồng mua bán với ông H1 (địa chỉ: thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên), nguyên xe này ông H1 mua của Công ty Đ1 (địa chỉ: phường K, TP L, tỉnh Lào Cai). Do ông Đ không trực tiếp khai thác nên tôi thuê lại của ông Đ với giá 50.000.000 đồng/tháng, với mục đích các hộ dân xung quanh ai nhờ thì kiếm thêm thu nhập.

Đối với ô tô tải tự đổ nhãn hiệu TMT biển số đăng ký 20C-159.63 là xe của vợ tôi Ngô Thị L (đây là tài sản riêng do bên nhà ngoại cho chị L mua).

Việc tài sản này là của ai thì trên giấy chứng nhận đăng ký xe cũng đã thể hiện rất rõ.

Vì tin tưởng cán bộ thụ lý giải thích hành vi vi phạm của tôi là thuộc loại bé nhất theo quy định nên đã khuyên tôi cứ nhận để nhanh chóng giải quyết để còn làm ăn nên tôi tin tưởng làm theo hướng dẫn của cán bộ điều tra.

Đáng lẽ cơ quan chức năng cần xác minh trực tiếp chủ đứng tên đăng ký để làm rõ xem ai là chủ thực sự của các tài sản này. Nhưng do thiếu trách nhiệm hoặc do tắc trách mà hướng dẫn tôi làm giấy xác nhận tại UBND xã N rằng tài sản này là của tôi với lý do giải thích để xử lý cho nhanh vụ việc.

Những vi phạm nêu trên là vi phạm Điều 59 Luật xử lý vi phạm hành chính, xâm phạm đến quyền lợi của ông Đ, chị L.

4. Việc giải quyết khiếu nại không đảm bảo.

Do không đồng ý với quyết định trên của ông Chủ tịch UBND tỉnh T nên bản thân tôi đã khiếu nại và được ông Chủ tịch UBND tỉnh T thụ lý giải quyết và giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T xác minh. Trong quá trình làm việc với cán bộ Sở T đã xác định:

Xe máy xúc nhãn hiệu DOOSAN biển số đăng ký BKS 24XA- 0724 là xe tôi thuê của ông Nguyễn Văn Đ.

Xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu TMT biển số đăng ký 20C- 159.63 là xe của vợ tôi Ngô Thị Lưu .

Do vậy đã đề nghị tôi rút đơn khiếu nại và sẽ làm văn bản báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh chỉnh sửa Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC của ông Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 10/08/2021 theo hướng không tịch thu các tài sản trên mà trả cho các chủ sở hữu hợp pháp. (Ngày 23/02/2022, Thanh tra Sở T đã có Báo cáo số 464/STNMT-TTr về việc điều chỉnh Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC). Tuy nhiên, đến nay các cơ quan chức năng không thực hiện theo lời hứa của mình mà tiếp tục gây khó khăn cho chúng tôi trong khi tài sản của người dân (xe cộ) bị phơi mưa, phơi nắng hỏng hóc rất nhiều.

Đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 10/08/2021 về việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

** Quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của UBND tỉnh T có quan điểm:*

Căn cứ hồ sơ xử lý vi phạm hành chính do Ủy ban nhân dân huyện P thiết lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đã ban hành Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC ngày 10/8/2021 về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với ông Nguyễn Thế H, xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên là đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế H.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Tại bản tự khai ngày 11/01/2023, ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Tôi (Nguyễn Văn Đ) là chủ sử dụng của máy xúc nhãn hiệu DOOSAN, biển số đăng ký 24XA-0724.

Nguồn gốc xe: có nguồn gốc của Công ty Đ1 (địa chỉ: phường K, TP L). Công ty Đ1 chuyển nhượng lại cho ông Đặng Văn H2 CMND số 090978867 do Công an tỉnh T cấp ngày 26/08/2017 (địa chỉ: thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên).

Sau đó, do ông H2 không có nhu cầu sử dụng nên chuyển nhượng lại cho tôi với giá 370.000.000 đồng có hợp đồng mua bán và biên bản bàn giao xe ngày 01/07/2019 gửi kèm).

Trong quá trình sử dụng tôi có cho anh Nguyễn Thế H, sinh năm 1985, địa chỉ: xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thuê sử dụng, khai thác.

Qua tìm hiểu chỗ anh H tôi được biết trước đó ngày 29/06/2021 anh H bị lập biên bản vi phạm hành chính về hành vi thực hiện khai thác đất san lấp là khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Tuy nhiên, các cấp chính quyền chưa xác minh tài sản là của ai đã ra văn bản tịch thu làm ảnh hưởng đến quyền lợi của tôi. Do vậy, trong vụ việc này phải trả xe cho chủ sử dụng là tôi.

Đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 10/08/2021 về việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xác minh trả lại xe máy xúc cho tôi theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 11/01/2023, bà Ngô Thị L trình bày:

Tôi (Ngô Thị L) kết hôn cùng anh Nguyễn Thế H vào năm 2010. Khoảng đầu năm 2018 tôi có được gia đình bên ngoại cho riêng tôi số tiền 400.000.000 đồng. Sau đó, do chồng tôi (anh H) đi lái xe tải (nhưng do khó khăn nên vẫn phải thuê xe) nên tôi bỏ tiền ra mua xe. Khi mua xe tôi và anh H cũng thỏa thuận

với nhau đây là tài sản riêng của tôi nên phải để tôi đứng tên bản thân tôi chỉ giao cho anh H lái xe khi có khách hàng nhờ vận chuyển hàng hóa.

Tháng 7/2021, tôi và chồng tôi được lên làm việc tại Công an huyện P và được biết xe ô tô của tôi liên quan đến việc chở đất khai thác tại xã Ú nên bị tạm giữ. Tại buổi làm việc, ông C có hỏi tình hình xe. Tôi trình bày đây là xe của riêng tôi. Nhưng sau đó, ông C giải thích nếu nhận là xe của riêng tôi thì rất khó khăn để giải quyết và tôi còn phải đi lại rất nhiều lần. Để đảm bảo việc giải quyết được dễ dàng thì cứ xác định xe này là của chung hai vợ chồng. Vì tin lời nói của ông C là vi phạm của chồng tôi là rất bé, chỉ cần tạm giữ vài ngày có quyết định xử phạt xong là trả xe nên tôi tin tưởng ký vào biên bản theo sự hướng dẫn của ông C.

Đến ngày 27/08/2021, tôi được biết Trung tâm bán đấu giá của Sở Tư pháp Thông báo bán đấu giá xe tải biển số 20C-159.63.

Tôi hỏi chồng tôi (H) được biết Chủ tịch UBND tỉnh T ra thông báo tịch thu phương tiện ngày 10/08/2021.

Nhận thấy quyết định này không đúng với thực tế, trái pháp luật, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của hợp pháp của tôi.

Đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 10/08/2021 về việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính, xác minh trả lại tài sản cho tôi (Ngô Thị L) theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã áp dụng các Điều 30, 32, 115, 116, 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 3 Điều 38, các Điều 59, 60, 61, 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 64 Luật khoáng sản năm 2010; khoản 2 Điều 2 Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ T4; Điều 27, Điều 36, khoản 2 Điều 37, Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 13 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thế H yêu cầu hủy Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 10/08/2021 về việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Thế H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/5/2023 người khởi kiện ông Nguyễn Thế H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị L có đơn kháng cáo với cùng nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại; Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, tuyên hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại vì vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng và nội dung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ kết quả tranh tụng; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Thế H, ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị L có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định theo đúng quy định tại các Điều 204, 205 và Điều 206 Luật Tố tụng hành chính nên kháng cáo là hợp pháp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử xét thấy có đủ điều kiện để tiếp tục giải quyết vụ án như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa.

[1.3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết, ông Nguyễn Thế H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 10/08/2021 về việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với ông Nguyễn Thế H. Đây là khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi

kiện theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; Điều 116 của Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Thế H, ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị L thì thấy:

Ông Nguyễn Thế H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 10/08/2021 về việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với ông Nguyễn Thế H.

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Quyết định 2612:

Ngày 29/06/2021, Tổ công tác liên ngành huyện P lập Biên bản làm việc về việc vi phạm đối với ông Nguyễn Thế H.

Ngày 29/07/2021, Tổ công tác liên ngành huyện P lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Thế H.

Ngày 29/7/2021, Hội đồng định giá tài sản ban hành Kết luận định giá số 01/KL-ĐG đối với phương tiện vi phạm là chiếc xe máy xúc nhãn hiệu DOOSAN biển số đăng ký BKS 24XA- 0724 và chiếc xe tải biển số đăng ký BKS 20C- 159.63.

Ngày 30/07/2021, UBND huyện P ban hành văn bản số 1392/UBND-TNMT về việc đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Thế H.

Ngày 10/08/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC về việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với ông Nguyễn Thế H

Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc ban hành quyết định nêu trên là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 38, Điều 59, Điều 60, Điều 61, Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 là có căn cứ.

Tại Tòa án ông H xác định thời hạn ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 07 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính. Thấy rằng, vụ việc này thuộc trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp, cần chờ kết quả định giá phương tiện vi phạm và phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt, nên việc UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm là không quá thời hạn (01 tháng) theo quy định tại khoản 1, Điều 66, của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

[2.2] Xét yêu cầu hủy Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 10/08/2021 về việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với ông Nguyễn Thế H:

[2.2.1]. Đối với việc xử phạt vi phạm hành chính.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có căn cứ xác định: Ngày 29/06/2021, tại khu vực núi T, ông H đã điều khiển máy xúc BKS 24XA-0724 múc đất lên xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu TMT có BKS số 20C-159.63 và trực tiếp lái xe ô tô tải chở đất ra khu vực phía bên ngoài núi T3 dừng đỗ với mục đích để đổ cho gia đình bà Nguyễn Thị L1, xóm Q, xã N, huyện P.

Hành vi vi phạm nêu trên của ông H bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản quy định:

“Vi phạm về khai thác khoáng sản (trừ cát, sỏi lòng sông, suối, hồ) mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

1. Phạt tiền đối với hành vi khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, cụ thể như sau:

a) Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng khi tổng khối lượng khoáng sản đã khai thác tại thời điểm phát hiện vi phạm đến dưới 10 m³”

Xét Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 10/08/2021 về việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khoáng sản đối với ông Nguyễn Thế H 2.000.000 đồng là đúng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020, khoản 1, Điều 2, khoản 1, Điều 64 Luật khoáng sản năm 2010, khoản 2, Điều 2 Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ T4, Văn bản số 1031/ĐCKS-KS ngày 12/6/2009 của Cục Đ2 và Khoáng sản, Bộ T4.

[2.2.2]. Đối với hình thức xử phạt bổ sung.

Đối với việc tịch thu 02 phương tiện gồm: máy xúc nhãn hiệu DOOSAN biển đăng ký 24XA-0724 và xe ô tô tải tự đổ nhãn hiệu TMT biển số đăng ký số 20C-159.63.

Theo quy định tại khoản 4, Điều 47 Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định: *“...tịch thu phương tiện sử dụng vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này”*.

Tại Tòa án, ông Nguyễn Thế H cho rằng: Chiếc xe máy xúc nhãn hiệu DOOSAN biển số đăng ký BKS 24XA- 0724 là xe tôi thuê của ông Nguyễn Văn Đ (địa chỉ: xóm Q, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên) ông Đ có hợp đồng mua bán với ông H2 (địa chỉ: thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên), nguyên xe này

ông H2 mua của Công ty Đ1 (địa chỉ phường K, TP L, tỉnh Lào Cai). Do ông Đ không trực tiếp khai thác nên tôi thuê lại của ông Đ với giá 50.000.000 đồng/tháng. Đối với ô tô tải tự đổ nhãn hiệu TMT biển số đăng ký 20C- 159.63 là xe của vợ tôi Ngô Thị L (đây là tài sản riêng do bên nhà ngoại cho chị L mua). Nên Chủ tịch UBND tỉnh T tịch thu các tài sản nêu trên là không đúng.

Xét thấy, lời khai của ông Nguyễn Thế H trong hồ sơ thể hiện:

+ Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/6/2021 ông H khẳng định: “Ngày 29/6/2021, tôi sử dụng máy xúc nhãn hiệu DOOSAN, màu cam, BKS 24XA-0724 200W và ô tô tải BKS số 20C-159.63 để khai thác đất, cả hai phương tiện này đều thuộc quyền sở hữu của tôi”. (BL108).

+ Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/7/2021 ông H khẳng định: “Cả 02 phương tiện này đều thuộc quyền sở hữu của tôi, tuy nhiên chiếc máy xúc tôi vẫn chưa sang tên, máy xúc này tôi mua của một người đàn ông trên thành phố T (Tôi không nhớ tên tuổi, địa chỉ của người này), còn xe ô tô tải BKS 20C-159.63 đăng ký hiện đang mang tên vợ tôi Ngô Thị L”.(BL 109).

+ Tại bản tường trình ngày 01/7/2021, ông H khai nhận: “Khoảng 8 giờ 45 phút cùng ngày tôi tự ý điều khiển ô tô tải của tôi BKS số 20C-159.63 vào khu vực núi T và điều khiển máy xúc của tôi đã đổ đầy từ trước để khai thác đất...”. “Tôi sử dụng máy xúc DOOSAN bánh xích BKS 24XA-0724 và xe ô tô tải 20C-159.63 để khai thác đất, cả 02 phương tiện này đều thuộc quyền sở hữu của tôi, xe ô tô đăng ký mang tên vợ tôi là Ngô Thị L, máy xúc mang tên Công ty Đ1, nhưng tôi mua qua một người trung gian ở thành phố T, tôi không nhớ tên tuổi của người này (khi mua thì có giấy tờ mua bán nhưng hiện nay tôi đã làm mất)”. (BL 111).

+ Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/7/2021 ông H khai nhận: “Chiếc ô tô BKS số 20C-159.63, nhãn hiệu Cửu Long, sơn màu xanh, loại xe tải tự đổ trọng tải 7,2 tấn hàng hóa là xe của gia đình tôi (H), đăng ký mang tên vợ tôi là Ngô Thị Lưu . Chiếc xe này là tài sản chung của vợ chồng tôi đã mua năm 2016 tại Lào Cai (xe cũ) sau đó chuyển về đăng ký sở hữu mang tên vợ tôi”. “Đối với chiếc máy xúc DOOSAN 200 bánh xích màu vàng cam là máy xúc của tôi đã mua năm 2019 của một người tôi không nhớ tên, nhưng nhà ở T, thành phố T...Bản thân tôi mua máy xúc này từ nguồn tiền của vợ chồng tôi.” (BL 113+114).

+ Tại bản tự khai ngày 05/7/2021 ông H khai nhận: “Xe ô tô BKS số 20C-159.63, là tài sản chung của vợ chồng tôi đã mua năm 2016...đăng ký ô tô này

mang tên vợ tôi là Ngô Thị L”. “Đối với chiếc máy xúc DOOSAN- 200 màu vàng mà tôi đã sử dụng để mức đất ngày 29/6/2021 là tài sản của gia đình tôi mua năm 2019...do máy xúc là tài sản không cần thiết phải đăng ký do đó khi mua tôi vẫn để tên của chủ sở hữu trước (chưa sang tên) và cam kết đó là tài sản của gia đình tôi, không có tranh chấp khiếu kiện gì liên quan đến tài sản này, khi mua bán có viết cho tôi 1 giấy viết tay nhưng tôi đã đánh mất”. (BL 116).

+ Tại đơn xin xác nhận ngày 06/7/2021, ông H đã khẳng định: “Ô tô BKS số 20C-159.63 và máy xúc BKS 24XA-0724 là tài sản của tôi. Tôi xin cam đoan trước pháp luật là ô tô và máy xúc này của tôi là tài sản hợp pháp, không có tranh chấp”. (BL 117).

Lời khai của bà Ngô Thị L thể hiện:

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2021 bà L khai nhận: “Chiếc xe ô tô BKS số 20C-159.63 là tài sản thuộc quyền sở hữu chung của hai vợ chồng tôi (tôi và anh Nguyễn Thế H). Hiện nay, chồng tôi là người thường xuyên sử dụng xe nêu trên”. (BL 118).

+ Tại bản tự khai ngày 01/7/2021 bà L khẳng định: “chiếc xe ô tô và máy xúc là tài sản của gia đình, do chồng tôi là người trực tiếp quản lý...” (BL 120).

Tại Tòa án, ông H, bà L, đưa ra các chứng cứ để chứng minh các tài sản trên do ông H thuê của ông Đ và là tài sản riêng của bà L thấy rằng:

Về chứng cứ do đương sự xuất trình là hợp đồng thuê máy xúc giữa ông Nguyễn Thế H và ông Nguyễn Văn Đ. Thấy rằng, hợp đồng này không có xác nhận của UBND cấp xã, nên không hợp lệ.

Về hợp đồng mua bán ô tô giữa ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị L trong thời kỳ hôn nhân không phù hợp với Điều 43 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và mâu thuẫn với lời khai của ông H, bà L trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

Hơn nữa các hợp đồng nêu trên ông Nguyễn Thế H là người có hành vi vi phạm cũng không cung cấp ngay cho Cơ quan Công an huyện P trong thời hạn 48 tiếng kể từ khi phương tiện bị tạm giữ theo quy định của pháp luật, nên không có cơ sở xem xét.

Như vậy, UBND tỉnh T xác định chiếc xe máy xúc nhãn hiệu DOOSAN biển số đăng ký BKS 24XA-0724 và ô tô tải tự đổ nhãn hiệu TMT biển số đăng ký 20C-159.63 là tài sản chung của ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị L là có căn cứ.

Thấy rằng, ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị L có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn năm 2010. Các tài sản trên được hình thành sau khi kết hôn.

Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, các tài sản trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị Lưu .

Ông Nguyễn Thế H là người có nghề lái xe, 02 xe nêu trên ông H là người trực tiếp quản lý, khai thác giá trị sử dụng. Theo quy định tại Điều 36 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: *“Trong trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về việc một bên đưa tài sản vào kinh doanh thì người này có quyền tự mình thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản đó...”* và khoản 1, Điều 13 Nghị định số 126/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“...Trong trường hợp vợ chồng xác lập, thực hiện giao dịch liên quan đến tài sản chung để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình thì được coi là có sự đồng ý của bên kia...”* thì trong trường hợp này được xác định ông Nguyễn Thế H và bà Ngô Thị L có thỏa thuận về việc giao 02 xe nêu trên cho ông H quản lý, khai thác sử dụng, nên việc quản lý, khai thác sử dụng 02 xe này được coi là có sự đồng ý của bà L.

Ông H bị Chủ tịch UBND tỉnh T quyết định xử phạt vi phạm hành chính, tịch thu các tài sản nêu trên là phương tiện vi phạm, theo quy định tại Điều 27, khoản 2, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà L cũng phải có trách nhiệm liên đới trong việc ông H thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

Xét Quyết định số 2612/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND tỉnh T ngày 10/08/2021 về việc quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã quyết định tịch thu phương tiện vi phạm là chiếc xe máy xúc nhãn hiệu DOOSAN biển số đăng ký BKS 24XA-0724 và ô tô tải tự đổ nhãn hiệu TMT biển số đăng ký 20C-159.63 nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật. Vì vậy yêu cầu hủy quyết định nêu trên của ông Nguyễn Thế H, ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị Lưu k có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thế H, ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị L là có căn cứ.

[3] Đối với Quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại số 395/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh T: Do ông Nguyễn Thế H rút yêu cầu khiếu nại. Nên Chủ tịch UBND tỉnh T ra Quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại là phù hợp với Luật Khiếu nại năm 2012.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thế H, ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị L, cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí, do không được chấp nhận kháng cáo nên người khởi kiện ông Nguyễn Thế H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị L phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Nguyễn Thế H, ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2023/HC-ST ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

2. Về án phí, căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Thế H, ông Nguyễn Văn Đ và bà Ngô Thị L, mỗi người phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000272 ngày 01/6/2023 và 0000273, 0000274 ngày 02/6/2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Đình Khánh